

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2018/HNGĐ -ST

Ngày 16 - 01 - 2018

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hòa

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Yên và ông Phạm Nhi

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Phương Thảo - Thư ký Toà án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ, ngày 28/11/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Vi Thị M - Sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam; Vắng mặt;

Chị Vi Thị M có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt chị.

2.Bị đơn: Anh Đỗ Văn T- Sinh năm 1970;

ĐKHKT: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Hiện đang chấp hình phạt tù: Tại Phân trại số M- Trại giam Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam; Vắng mặt; Anh Đỗ Văn T đề nghị xét xử vụ án vắng mặt anh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, ngày 21 tháng 11 năm 2017 và các tài liệu gửi kèm theo đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

Chị Vi Thị M (Viết tắt: Chị M) và anh Đỗ Văn T (Viết tắt: Anh T), xây dựng gia đình với nhau năm 1993, không đăng ký kết hôn, nhưng được hai bên gia đình bố mẹ để làm đám cưới theo tập quán ở địa phương. Sau khi xây dựng gia đình với nhau vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T phạm tội về ma túy bị phạt 07 năm tù. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại Bản đương sự tự khai, ngày 29/12/2017 anh T, xác nhận: Anh và chị M xây dựng gia đình với nhau từ ngày 20/8/1993, trên cơ sở tự nguyện, không đến Ủy ban nhân dân đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, đã xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2010, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh không còn, chị M xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh T cùng xác định: Có 01 con chung là Đỗ Quỳnh T - Sinh ngày 04/5/1994. Con chung đã thành niên đi lấy chồng. Chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu trong hồ sơ: Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, chứng thực Đơn trình bày của chị M, về việc năm 1993 chị M và anh T xây dựng gia đình với nhau không làm thủ tục đăng ký kết hôn, hiện nay đã có 01 con chung là Đỗ Quỳnh T - Sinh ngày 04/5/1994.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Toà án là do đang chấp hành hình phạt tù. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo hướng: Tuyên bố việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 giữa chị M và anh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không phải xử cho ly hôn như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều đề nghị xét xử vụ án vắng mặt họ. Tài liệu trong hồ sơ cả chị M và anh T đều khẳng định: Năm 1993 chị M và anh T xây dựng gia đình với nhau không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định, chỉ có hai bên gia đình bố mẹ để tổ chức đám cưới theo tập quán ở địa phương. Việc kết hôn với nhau không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn còn thể hiện trong lời chứng của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th tại đơn xin xác nhận của chị M (BL: 14). Như vậy có đủ căn cứ để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là không hợp pháp. Bởi

Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *“Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. ...*

Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý”

Khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ...”.

Do đó mặc dù chị M và anh T xây dựng gia đình với nhau từ năm 1993, đã có với nhau một con chung, nhưng không đăng ký kết hôn vẫn không được công nhận là vợ chồng về mặt pháp lý. Nếu chị M và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc hai người phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nhưng trên thực tế hai người chung sống không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị M là do anh T phạm tội phải đi chấp hành hình phạt 7 năm tù, hai người sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Còn theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Cả anh T và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy nghĩ cần chấm dứt quan hệ hôn nhân này bằng việc tuyên bố: Việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị M và anh T từ năm 1993 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không phải là ly hôn như yêu cầu khởi kiện của chị M và quan điểm đồng ý ly hôn của anh T.

[2] Về con chung:

Chị M và anh T, xác định: Hai người có 01 con chung là Đỗ Quỳnh T- Sinh ngày 04/5/1994, đã thành niên đi lấy chồng. Chị M và anh T không đề nghị gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn:

Chị M và T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn chị Vi Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, giữa chị Vi Thị M và anh Đỗ Văn T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về án phí: Chị Vi Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, theo Biên lai thu tiền số 0003246, ngày 28/11/2017. Chị Vi Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện H
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh
- UBND xã Th, huyện H
- THA-DS huyện H
- Lưu Hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đã Ký
Bàn Văn Hoà***